

XUẤT KHẨU CỦA CÁC DOANH NGHIỆP CÓ VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI (FDI) VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA ĐỐI VỚI VIỆT NAM

Nguyễn Quang Minh*

Tóm tắt

Một trong những thành tựu nổi bật trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam là sự mở rộng nhanh chóng trong hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (doanh nghiệp FDI). Bên cạnh những đóng góp quan trọng cho nền kinh tế, xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI cũng có nhiều hạn chế. Bài viết tập trung phân tích tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam giai đoạn 2001-2015 và làm rõ những vấn đề đang đặt ra đối với Việt Nam trong hoạt động xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp này.

Từ khóa: FDI, doanh nghiệp FDI, tăng trưởng xuất khẩu.

Mã số: 285. Ngày nhận bài: . Ngày hoàn thành biên tập: . Ngày duyệt đăng: .

Abstract

One of the most noticeable achievements of international economic integration of Viet Nam is the expansion of export activities of Foreign direct investment Capital Enterprises (FDI Enterprises). However, export of FDI Enterprises still face plenty of export challenges. This paper analyzes export activities of FDI Enterprises during the period 2001-2015 and their challenges for Viet Nam.

Key words: FDI, FDI Enterprises, export growth.

Paper No. 285. Date of receipt: . Date of revision: . Date of approval: .

1. Khái quát về sự phát triển của doanh nghiệp FDI ở Việt Nam

Năm 1988, Luật Đầu tư nước ngoài của Việt Nam được ban hành đã tạo khung khổ pháp lý cơ bản cho việc thu hút vốn FDI vào Việt Nam. Sau gần 30 năm, trải qua nhiều thăng trầm do những biến động của nền kinh tế thế giới và trong nước, đến nay vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã trở thành một bộ phận quan trọng trong tổng vốn đầu tư của nền kinh tế Việt Nam. Tính từ năm 1988 đến hết năm 2015, tổng vốn FDI đăng ký vào Việt Nam đạt 287,9 tỷ USD, vốn thực hiện là 124 tỷ USD.

Cùng với sự gia tăng về quy mô vốn, số lượng doanh nghiệp thuộc khu vực doanh nghiệp FDI ở Việt Nam đã gia tăng nhanh chóng. Các doanh nghiệp FDI bao gồm doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp của nước ngoài, không phân biệt tỷ lệ vốn của bên nước ngoài góp là bao nhiêu. Khu vực này có hai loại hình chủ yếu là doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài và doanh nghiệp liên doanh giữa nước ngoài với các đối tác của Việt Nam².

Về số lượng và hình thức doanh nghiệp, tính đến ngày 31/12/2014, tổng số doanh nghiệp FDI có 11.046 doanh nghiệp, chiếm

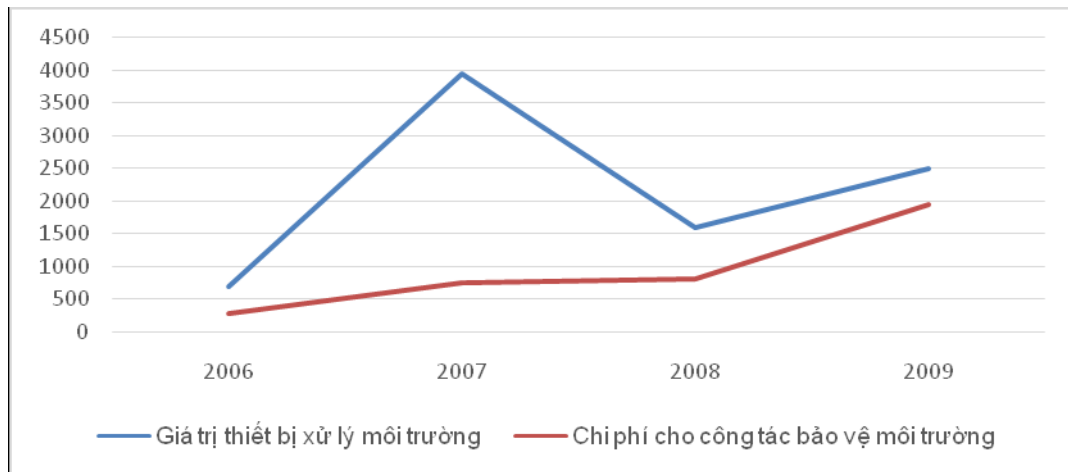
* TS.

¹ Thời báo Kinh tế Việt Nam, Kinh tế 2015-2016 Việt Nam và thế giới, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2016.

² Tổng cục Thống kê, Niên giám thống kê 2014, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2015.

Biểu đồ 1: Lượng vốn FDI đăng ký và thực hiện vào Việt Nam bình quân năm giai đoạn 1988 - 2015

Đơn vị tính: Tỷ USD



Nguồn: Thời báo Kinh tế Việt Nam, *Kinh tế 2015-2016 Việt Nam và thế giới*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2016.

2,75% tổng số doanh nghiệp của Việt Nam, trong đó hình thức doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài có 9.383 doanh nghiệp, chiếm 84,9%; hình thức doanh nghiệp liên doanh có 1.663 doanh nghiệp, chiếm 15,1%. Trong giai đoạn 2005-2014, số lượng doanh nghiệp FDI ở Việt Nam đã tăng gần 3 lần, tuy nhiên tỷ trọng trong tổng số doanh nghiệp của Việt Nam có xu hướng giảm dần, từ 3,3% năm 2007 xuống 2,8% năm 2014³. Về quy mô của doanh nghiệp, phân loại theo quy mô lao động, các doanh nghiệp FDI chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ với tỷ lệ chiếm 79,3%, doanh nghiệp có quy mô lớn chiếm 20,7%. Về lĩnh vực đầu tư, tính đến năm 2014, các doanh nghiệp FDI đầu

tư nhiều nhất vào lĩnh vực Công nghiệp - Xây dựng, tỷ trọng doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực này là cao nhất, chiếm 62%; tiếp đến là lĩnh vực Thương mại - Dịch vụ chiếm 36,8%. Lĩnh vực Nông-Lâm-Thủy sản có nhiều tiềm năng, tuy nhiên các doanh nghiệp FDI rất ít đầu tư vào lĩnh vực này, tỷ trọng của các doanh nghiệp FDI trong lĩnh vực này chỉ chiếm 1,1% về số lượng doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký chiếm 1,3%⁴. Xét về hiệu quả kinh doanh và đóng góp vào nền kinh tế, năm 2014, khu vực doanh nghiệp FDI có tỷ lệ doanh nghiệp kinh doanh có lãi là 50,5%, khu vực doanh nghiệp này chiếm 44,7% lợi nhuận và đóng góp 15,6% vào ngân sách nhà nước năm 2015.

³ Tổng cục Thống kê, *Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2011-2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2016.

⁴ Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2014*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2015.

⁵ Tổng cục Thống kê, *Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2011-2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2016.

⁶ Điều 423, 424, 425, 426 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Giai đoạn 2011- 2015, vốn đầu tư FDI chiếm hơn 22,6% tổng vốn đầu tư phát triển toàn xã hội của cả nước, riêng năm 2015 chiếm 23,3%⁵. Bên cạnh việc bổ sung một lượng vốn đầu tư lớn vào phát triển kinh tế, khu vực FDI đã góp phần hình thành nhiều lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ mới, đóng góp quan trọng vào việc gia tăng quy mô của nền kinh tế, gia tăng xuất khẩu, hình thành một lực lượng lao động có kỹ năng nghề và học hỏi nhiều kinh nghiệm quản trị doanh nghiệp tiên tiến. Đồng

thời, góp phần thúc đẩy việc hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường của Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI

2.1. Kim ngạch xuất khẩu

Trong những năm gần đây, tỷ trọng về số lượng các doanh nghiệp FDI trong tổng số doanh nghiệp của Việt Nam có xu hướng giảm dần. Tham gia vào hoạt động xuất khẩu,

Bảng: Xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam giai đoạn 2001-2015*

Năm	Kim ngạch XK (tỷ USD)	Tốc độ tăng/giảm (%)	Tỷ trọng trong tổng XK cả nước (%)	Cán cân thương mại
2001	3,7	11,0	24,4	-1,3
2002	4,6	25,5	27,5	-2,0
2003	6,4	37,8	31,1	-2,5
2004	8,8	39,1	33,3	-2,3
2005	11,2	26,8	34,5	-2,5
2006	14,7	31,9	37,0	-1,7
2007	19,3	30,8	39,7	-2,2
2008	24,2	23,5	38,6	-3,7
2009	24,2	0,04	42,3	-1,9
2010	34,1	41,2	47,2	-2,8
2011	47,9	40,3	49,4	-1,0
2012	64,1	33,7	55,9	4,1
2013	80,9	26,4	61,3	6,5
2014	93,9	16,1	62,5	9,7
2015	110,6	11,7	68,3	13,3

* Không kể kim ngạch xuất khẩu dầu thô

Nguồn: - Tổng cục Hải quan, Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt nam (bản tóm tắt 2014) Nhà xuất bản Tài chính, 2014
- Tổng cục Hải quan: www.customs.gov.vn.

⁵ Tổng cục Thống kê, Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2011-2015, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2016.

⁶ Tổng cục Hải quan, Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt nam (bản tóm tắt) 2014, Nhà xuất bản Tài chính, 2014

các số liệu thống kê cũng cho thấy, số lượng doanh nghiệp FDI có hoạt động xuất khẩu cũng chiếm tỷ trọng nhỏ (gần 14%) trong tổng số doanh nghiệp tham gia xuất khẩu của Việt Nam (7.600 doanh nghiệp/ tổng số 55.630 có tham gia xuất khẩu của Việt Nam năm 2014)⁶. Tuy nhiên, với năng lực sản xuất và công nghệ vượt trội, cùng với việc tận dụng tốt các lợi thế và môi trường đầu tư thuận lợi ở Việt Nam, các doanh nghiệp FDI đã gia tăng kim ngạch xuất khẩu với tốc độ rất nhanh.

Giai đoạn 2001-2010 vốn FDI vào Việt Nam có sự gia tăng nhanh chóng, tuy nhiên, trong giai đoạn này các doanh nghiệp FDI chủ yếu tập trung xây dựng cơ sở vật chất và nhập khẩu máy móc thiết bị để hình thành tài sản cố định ban đầu, do vậy tăng trưởng xuất khẩu bình quân của khu vực doanh nghiệp FDI thấp hơn so với tăng trưởng của khu vực trong nước, nhưng sự tăng trưởng nhanh của vốn FDI đã tạo tiền đề cho sự tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI. Trong giai đoạn 5 năm gần đây, 2011-2015, tăng trưởng xuất khẩu bình quân của khu vực doanh nghiệp FDI đã có sự bứt phá mạnh mẽ, trở thành động lực chủ yếu cho xuất khẩu của Việt Nam. Trong giai đoạn này, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu bình quân của các doanh nghiệp FDI đạt 25,6% cao gấp hơn 3 lần so với của khu vực doanh nghiệp trong nước (7,9%). Kết quả là, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đã tăng hơn hai lần, từ mức 47,9 tỷ USD năm 2011 lên 110,6 tỷ USD năm 2015. Bắt đầu từ năm 2012, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đã chiếm tỷ trọng lớn hơn của khu vực doanh nghiệp trong nước (55,9% so với 44,1%). Đáng chú ý là năm 2015, trong khi xuất khẩu của khu vực trong nước giảm 3,5% so với năm 2014, nhưng xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI vẫn tăng 11,7%. Năm

2015 kim ngạch xuất khẩu của doanh nghiệp FDI cao gấp 2,1 lần so với xuất khẩu của khu vực trong nước (110,6 tỷ USD/52,2 tỷ USD) và chiếm tới 68,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Như vậy có thể thấy các doanh nghiệp FDI đang rất thành công về tìm kiếm lợi nhuận đầu tư và cạnh tranh chiếm lĩnh thị trường xuất khẩu, trở thành khu vực có ảnh hưởng quyết định đến tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam những năm qua.

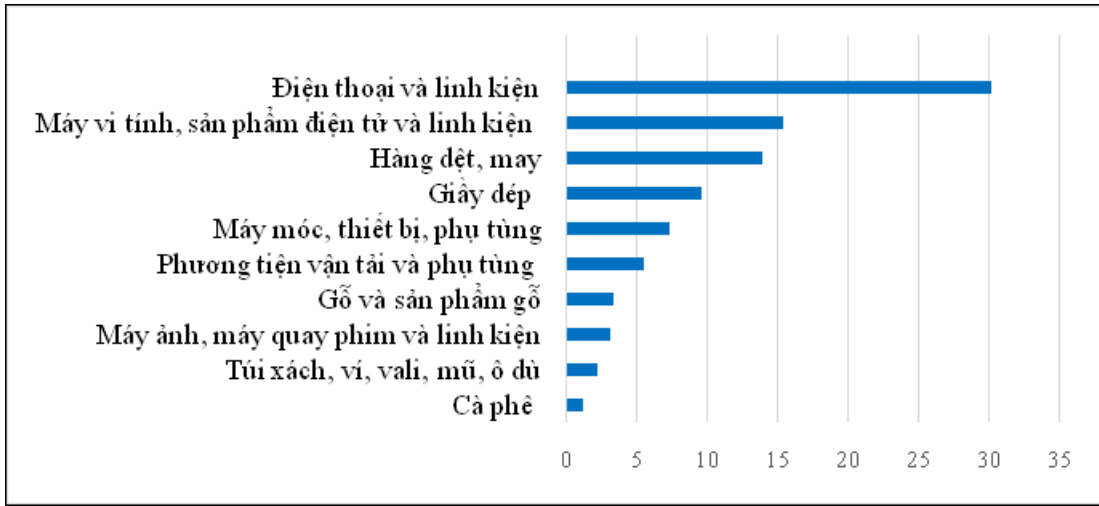
2.1. Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu

Hàng hóa xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam bao gồm nhiều nhóm hàng khác nhau, tuy nhiên, do có lợi thế về công nghệ, cơ cấu này chủ yếu bao gồm các nhóm hàng chế biến, chế tạo và nhóm hàng sử dụng nhiều lao động. Kim ngạch của những nhóm hàng này chiếm tỷ lệ rất cao trong kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI, cũng như của Việt Nam nói chung, thậm chí chiếm tỷ lệ gần như tuyệt đối trong một số nhóm hàng có hàm lượng công nghệ cao. Điều này chủ yếu do việc đầu tư với lượng vốn lớn của một số công ty đa quốc gia vào Việt Nam trong những năm gần đây đều có khối lượng sản phẩm lớn và hướng vào xuất khẩu. Trái lại, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng có nguồn gốc từ nông - lâm - thủy sản chiếm tỷ trọng rất thấp.

Trong 5 năm trở lại đây, những mặt hàng như điện thoại và linh kiện; máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện; máy móc, thiết bị, phụ tùng, dệt may,.. là những nhóm hàng xuất khẩu chủ lực của các doanh nghiệp FDI, đồng thời cũng là của Việt Nam. Năm 2015, trong 10 nhóm hàng xuất khẩu có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam có 8 nhóm có sự đóng góp của các doanh nghiệp FDI. Trong đó doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng gần như tuyệt đối trong kim ngạch xuất khẩu các nhóm

Biểu đồ 2: Kim ngạch xuất khẩu những mặt hàng chủ lực của doanh nghiệp FDI năm 2015

Đơn vị: tỷ USD



Nguồn: Tổng cục Hải quan: www.customs.gov.vn

hàng có hàm lượng công nghệ cao của Việt Nam và cũng chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của khối FDI. Điển hình là hai nhóm hàng: nhóm hàng hàng điện thoại và linh kiện, các doanh nghiệp FDI chiếm 99,8% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam, tương đương 27,2% tổng kim ngạch của cả khối FDI; nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện tỷ trọng này tương ứng là 98,2% và 13,6%. Bên cạnh đó, nhóm hàng máy ảnh, máy quay phim và linh kiện cũng chiếm tới 96,8% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng này của Việt Nam; đối với nhóm hàng phương tiện vận tải, phụ tùng và nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng tỷ trọng này tương ứng là 98,5% và 89%. Cơ cấu xuất khẩu này thể hiện một xu hướng tích cực khi việc xuất khẩu giúp tiếp cận được với khoa học công nghệ trên thế giới. Điều đáng chú ý là các doanh nghiệp FDI không những chiếm tỷ trọng rất cao trong kim ngạch xuất khẩu những nhóm hàng công nghệ cao, mà những năm gần đây các doanh nghiệp này đang từng bước chiếm tỷ trọng tương đối lớn

trong xuất khẩu một số nhóm hàng truyền thống vốn là thế mạnh của các doanh nghiệp trong nước. Năm 2015, các doanh nghiệp FDI chiếm 63,3% kim ngạch xuất khẩu mặt hàng dệt may, nhóm hàng giày dép là 60,5%, nhóm hàng gỗ và sản phẩm gỗ 47%, cà phê 40,7%. Như vậy, có thể thấy cơ cấu xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI ngày càng được mở rộng, góp phần nâng cao chất lượng và sức cạnh tranh của xuất khẩu, giúp tiếp cận được với khoa học công nghệ trên thế giới, tạo hiệu ứng lan tỏa cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, nếu xét trên góc độ lợi thế cạnh tranh của Việt Nam, tỷ lệ thấp của kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng nông - lâm - thủy sản đã cho thấy các lợi thế kinh tế của Việt Nam chưa được tận dụng tốt.

2.3. Thị trường xuất khẩu

Quá trình hội nhập kinh tế quốc tế của Việt Nam được đẩy mạnh trong những năm qua đã mở ra thị trường quốc tế rộng lớn cho các doanh nghiệp. Đến nay, hàng hóa của các doanh nghiệp FDI nói riêng và của Việt Nam

nói chung đã được xuất khẩu sang hầu hết các quốc gia và vùng lãnh thổ trên toàn thế giới, trong đó có 16 thị trường Việt Nam đã ký Hiệp định thương mại tự do (FTA) và đã có hiệu lực⁷. Trong đó, các nhóm hàng có hàm lượng công nghệ cao chủ yếu được xuất khẩu sang thị trường các nước phát triển, xuất trở lại nước chủ đầu tư, hoặc sang các thị trường có các cơ sở sản xuất của chủ đầu tư. Năm 2014, thị trường xuất khẩu nhóm hàng điện thoại và linh kiện bao gồm: Liên minh Châu Âu (EU) chiếm tới 35,8%, Tiểu Vương quốc A rập thống nhất 15,4%, các nước ASEAN chiếm 10,5%. Đối với nhóm hàng máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện, có 3 thị trường xuất khẩu lớn nhất là EU chiếm 20,5%, Hoa Kỳ chiếm 19,2, Trung Quốc chiếm 18,5%. Nhóm hàng máy móc, thiết bị, phụ tùng: Nhật Bản và Hoa Kỳ chiếm tỷ trọng lớn nhất là 19,6% và 17,6%, Trung Quốc chiếm 8,0%. Nhóm hàng phương tiện vận tải và phụ tùng: thị trường Nhật Bản chiếm 36,4%, các nước ASEAN là 17,0%, thị trường Hoa Kỳ và Trung Quốc lần lượt chiếm 10,2% và 10%⁸. Như vậy, hiện nay thị trường xuất khẩu các sản phẩm có hàm lượng công nghệ cao của các doanh nghiệp FDI ở Việt Nam bao gồm nhiều nước phát triển và các nước có nền sản xuất quy mô lớn, điều này đã góp phần nâng cao chất lượng hoạt động xuất khẩu của Việt Nam. Thực tế này phản ánh xu hướng kinh doanh của các tập đoàn lớn trên thế giới, đó là sau khi thiết lập nhà máy ở các nước đang phát triển, quy trình sản xuất được tối ưu hóa với chi phí thấp hơn ở nước chủ đầu tư, từ đó việc xuất khẩu ngược sẽ được thực hiện. Bên cạnh việc xuất

khẩu thành phẩm, các linh kiện, chi tiết, phụ tùng cũng được các doanh nghiệp FDI xuất khẩu sang các nước khác có các nhà máy của chủ đầu tư để cung cấp đầu vào cho quá trình sản xuất ở nước đó, điều này giúp các doanh nghiệp Việt Nam từng bước tham gia chuỗi giá trị toàn cầu.

2.4. Đóng góp của hoạt động xuất khẩu trong GDP và cải thiện cán cân thương mại của Việt Nam

Trong giai đoạn 2001-2015, tốc độ tăng trưởng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI luôn cao hơn nhiều lần mức tăng trưởng GDP của Việt Nam, điều này làm cho tỷ trọng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI so với GDP của Việt Nam đã tăng gấp 5 lần, từ mức hơn 10% năm 2001, lên 55% năm 2015.

Xét về cán cân thương mại, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đã góp phần ổn định cán cân thương mại hàng hóa không chỉ của khối doanh nghiệp này mà còn của cả nước. Trong giai đoạn 2006-2011, khi các doanh nghiệp nội địa có sự thâm hụt thương mại lớn, thì các doanh nghiệp FDI vẫn giữ được mức thâm hụt ổn định và luôn thấp hơn mức độ thâm hụt của các doanh nghiệp trong nước. Nguyên nhân dẫn đến nhập siêu của các doanh nghiệp FDI giai đoạn này là trong những năm đầu triển khai dự án đầu tư ở Việt Nam, các doanh nghiệp FDI phải tăng cường nhập khẩu để hình thành tài sản cố định ban đầu do vậy việc nhập siêu là khó tránh khỏi. Sau một thời gian nhập siêu, bắt đầu từ năm 2012, cán cân thương mại của các doanh nghiệp FDI đã

⁷ Danh sách 16 thị trường Việt Nam đã ký FTA và đã có hiệu lực gồm: 9 nước ASEAN, Nhật Bản, Chi-lê, Hàn Quốc, Trung Quốc, Ấn Độ, Ô-xtrây-li-a, Niu-Di-lân..

⁸ Tổng cục Hải quan, Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt nam (bản tóm tắt) 2014, Nhà xuất bản Tài chính, 2014.

chuyển biến tích cực, bắt đầu xuất siêu và giá trị xuất siêu có xu hướng tăng nhanh. Năm 2012, các doanh nghiệp FDI xuất siêu 4,1 tỷ USD, đến năm 2015 mức xuất siêu đạt 13,3 tỷ USD, tăng 3,3 lần. Đáng chú ý là những năm gần đây trong khi các doanh nghiệp FDI luôn xuất siêu thì các doanh nghiệp trong nước vẫn trong tình trạng nhập siêu ở mức độ lớn, năm 2015 mức nhập siêu lên tới 16,9 tỷ USD. Như vậy, xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đang là động lực chính để hỗ trợ và lành mạnh hóa cán cân thương mại, góp phần vào tăng trưởng GDP của Việt Nam.

3. Những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam trong hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI

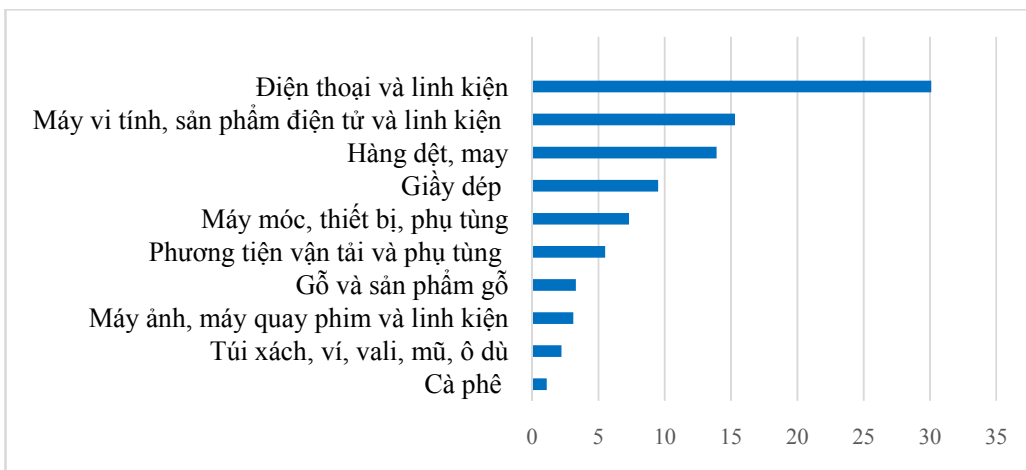
3.1. Xuất khẩu của Việt Nam có xu hướng phụ thuộc ngày càng lớn vào xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp FDI

Sự gia tăng nhanh chóng của dòng

vốn FDI vào Việt Nam, nhất là trong lĩnh vực công nghiệp đã tạo cơ sở cho tăng trưởng xuất khẩu của Việt Nam. Trong 5 năm gần đây, tăng trưởng xuất khẩu bình quân của các doanh nghiệp FDI cao hơn 3 lần so với khu vực doanh nghiệp trong nước (25,6% so với 7,9%). Nếu năm 1996 kim ngạch xuất khẩu của khu vực FDI mới chiếm 10,8% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, đến năm 2012, kim xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đã đạt mức lớn hơn của khu vực doanh nghiệp trong nước. Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đã chiếm tới 68,3% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Cũng năm 2015, các doanh nghiệp FDI đã xuất siêu 13,3 tỷ USD, trong khi các doanh nghiệp trong nước nhập siêu 16,8 tỷ USD. Như vậy, tăng trưởng xuất khẩu và quy mô xuất siêu của Việt Nam trong những năm qua chủ yếu là do các doanh nghiệp FDI mang lại, điều này đồng nghĩa với xuất khẩu của Việt Nam đang

Biểu đồ 3: Tỷ trọng xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2001-2015

Đơn vị tính :%



Nguồn: - Tổng cục Hải quan, Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt nam (bản tóm tắt)2014, Nhà xuất bản Tài chính, 2014

Tổng cục Hải quan: www.customs.gov.vn.

dựa chủ yếu vào khu vực doanh nghiệp FDI, chứ không phải khu vực doanh nghiệp trong nước. Trong những năm tới khi nhiều nhà máy của doanh nghiệp FDI đã hoạt động ổn định, tăng trưởng xuất khẩu của khu vực FDI có thể sẽ chậm lại, khó đạt được mức cao như những năm gần đây, nhưng giá trị tuyệt đối trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sẽ vẫn ở mức cao.

Xét về cơ cấu xuất khẩu, sự phụ thuộc vào các doanh nghiệp FDI càng thấy rõ hơn ở những nhóm hàng xuất khẩu chủ lực. Trong số 15 nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu trên 2 tỷ USD năm 2015, thì hầu hết có sự đóng góp của các doanh nghiệp FDI. Trong đó, những nhóm hàng công nghiệp xuất khẩu có hàm lượng công nghệ cao hoàn toàn thuộc về các doanh nghiệp FDI. Bên cạnh đó, trong lĩnh vực xuất khẩu sản phẩm nông sản, nơi có số lượng doanh nghiệp và số vốn đầu tư không đáng kể, các doanh nghiệp FDI cũng chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong kim ngạch xuất khẩu một số sản phẩm nông sản truyền thống vốn là lợi thế của các doanh nghiệp trong nước, điển hình là cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ. Việc phụ thuộc ở mức độ cao vào khu vực FDI, đặc biệt là trong lĩnh vực xuất khẩu, khiến nền kinh tế có thể gặp phải những rủi ro trong quá trình phát triển, bởi vì các doanh nghiệp FDI, với mục đích hàng đầu là lợi nhuận, luôn có xu hướng di động, chuyển từ quốc gia này sang quốc gia khác nếu có những lợi thế tốt hơn, điều này có thể gây ra bất ổn nền kinh tế quốc gia. Về lâu dài, một nền kinh tế muốn phát triển ổn định phải dựa chủ yếu vào các doanh nghiệp trong nước thay vì các doanh nghiệp nước ngoài

Ở một số địa phương, vai trò của các doanh nghiệp FDI trong hoạt động xuất khẩu cũng rất đậm nét. Ở tỉnh Bắc Ninh, kim ngạch xuất khẩu của tỉnh chủ yếu thuộc về các doanh nghiệp FDI, năm 2010, xuất khẩu của khu vực này đạt 2,4 tỷ USD, chiếm 97% xuất khẩu của toàn tỉnh; năm 2015 tăng lên 22,3 tỷ USD, chiếm tới 99,2%⁹. Ở tỉnh Thái Nguyên, năm 2015, kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đạt 17,2 tỷ USD chiếm gần toàn bộ kim ngạch xuất khẩu của tỉnh¹⁰. Tình hình này cũng phổ biến ở nhiều tỉnh thành khác như: Bình Dương, Đồng Nai, Vĩnh Phúc,.. Tăng trưởng kinh tế và xuất khẩu dựa chủ yếu vào khu vực vốn đầu tư nước ngoài, do vậy đối với các địa phương, sự tăng trưởng đó tiềm ẩn yếu tố chưa bền vững. Số thu ngân sách của địa phương chủ yếu từ hoạt động xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI, do vậy, khi có những thay đổi liên quan đến chiến lược kinh doanh toàn cầu của các doanh nghiệp này sẽ tác động tiêu cực đến sự phát triển kinh tế-xã hội và nguồn thu ngân sách của các địa phương.

Kim ngạch nhập khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của các doanh nghiệp FDI, giá trị gia tăng của sản phẩm xuất khẩu thấp

Mặc dù kim ngạch xuất khẩu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, nhưng tỷ lệ sản phẩm đầu vào mà các doanh nghiệp FDI sử dụng từ các doanh nghiệp trong nước tương đối thấp, xét tổng thể, chỉ khoảng 26,6%, còn lại được nhập khẩu từ nước ngoài, trong đó nhập khẩu thông qua công ty mẹ khoảng 20,4% và nhập trực tiếp khoảng 38%¹¹. Hiện nay, các mặt hàng có

⁹ Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh: <http://set.bacninh.gov.vn/>.

¹⁰ Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên: <http://congthuongthainguyen.gov.vn/>.

¹¹ Tổng cục Thống kê, *Hiệu quả của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 2005-2014*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2016.

kim ngạch xuất khẩu lớn nhất của các doanh nghiệp FDI đồng thời cũng là những mặt hàng có kim ngạch nhập khẩu cao nhất trong tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam. Điều này cho thấy xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI hiện nay chủ yếu dựa vào hoạt động gia công, lắp ráp từ nguồn đầu vào nhập khẩu từ nước ngoài, tỷ lệ sử dụng các yếu tố trong nước là rất hạn chế. Điều đó cũng có nghĩa là giá trị gia tăng của các mặt hàng xuất khẩu của khu vực FDI ở Việt Nam không cao, chưa có đóng góp quan trọng cho sự phát triển của ngành công nghiệp phụ trợ của Việt Nam, kể cả những sản phẩm thông thường như dệt may, giày dép đến các ngành có hàm lượng công nghệ cao, như điện thoại, máy vi tính, sản phẩm điện tử là không lớn. Các doanh nghiệp FDI hiện chủ yếu đang khai thác những lợi thế về nguồn lao động rẻ và các ưu đãi đầu tư của chính phủ và các địa phương họ đầu tư ở Việt Nam. Trong giai đoạn 2011-2015, nhóm hàng điện tử, máy tính và linh kiện là nhóm hàng có mức tăng trưởng xuất khẩu nhanh nhất của các doanh nghiệp FDI, nhưng cũng là nhóm hàng có mức nhập khẩu tăng bình quân cao nhất với mức tăng 34,7%/năm, gần gấp đôi so với 19,3%/năm của bình quân 5 năm trước¹². Năm 2015, kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng máy tính, sản phẩm điện tử và linh kiện cùng với nhóm hàng điện thoại và linh kiện của các doanh nghiệp FDI là 45,4 tỷ USD, thì kim ngạch nhập khẩu của hai nhóm mặt hàng này là 30,4 tỷ USD, như vậy, tỷ trọng nhập khẩu chiếm tới 67% trong tổng kim ngạch xuất khẩu, giá trị gia tăng trong nước chỉ có 33%. Cũng trong năm 2015, kim ngạch nhập khẩu hai nhóm mặt hàng này của các doanh nghiệp

FDI chiếm tới 18,5% tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam, tương ứng chiếm 31,3% kim ngạch nhập khẩu của toàn bộ khối doanh nghiệp FDI¹³. Tương tự, nhập khẩu nhóm hàng bông, vải, tơ sợi dệt và nguyên phụ liệu dệt may, giày dép giai đoạn 2011-2015 của các doanh nghiệp FDI cũng tăng nhanh hơn so với mức tăng xuất khẩu mặt hàng dệt may, giày dép. Năm 2015, kim ngạch nhập khẩu vải và các nguyên liệu, phụ liệu dệt, may, da, giày đạt 9,8 tỷ USD (không tính kim ngạch nhập khẩu 2,1, triệu tấn bông, xơ, sợi dệt), chiếm 42,3% kim ngạch xuất khẩu nhóm hàng dệt, may, giày dép của khu vực doanh nghiệp FDI. Hệ quả của thực trạng này là giá trị gia tăng của sản phẩm xuất khẩu chủ lực của các doanh nghiệp FDI đạt thấp, trong ngành may mặc chỉ khoảng 35-40%, giày dép 30%, sản phẩm điện tử 30%. Nhìn chung, hiện nay nhiều doanh nghiệp FDI đã tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, nhưng do thiếu liên kết với các doanh nghiệp trong nước, nên về cơ bản các doanh nghiệp này vẫn phụ thuộc chặt chẽ vào công ty mẹ và các doanh nghiệp khác ở nước ngoài, chưa có vị trí đáng kể trong việc thúc đẩy phát triển của các doanh nghiệp trong nước, hàm lượng giá trị gia tăng của sản phẩm xuất khẩu còn rất hạn chế.

3.3. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam có xu hướng phụ thuộc vào một số doanh nghiệp FDI

Năm 2014, trên cả nước có hơn 7.600 doanh nghiệp FDI tham gia hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa (chiếm 15% tổng số doanh nghiệp tham gia hoạt động xuất nhập khẩu của cả nước), trong đó có nhiều tập đoàn

¹² Tổng cục Thống kê, Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2011-2015, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2016.

¹³ Tổng Cục Hải quan, www.customs.gov.vn.

lớn lớn kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó có lĩnh vực công nghệ cao, như sản xuất lắp ráp điện thoại di động, máy tính bảng và linh kiện điện thoại, ô tô,... Điều này thể hiện sự thành công bước đầu của Việt Nam trong việc thu hút các doanh nghiệp hàng đầu thế giới, góp phần quan trọng vào phát triển sản xuất, nâng cao trình độ công nghệ, học hỏi kỹ năng quản trị tiên tiến, đặc biệt là gia tăng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, đưa Việt Nam tham gia vào chuỗi sản xuất - kinh doanh toàn cầu của các công ty lớn trên thế giới, như Samsung, LG, Intel, Toyota, Honda,... Trong đó điển hình là Công ty Samsung của Hàn Quốc. Có mặt ở Việt Nam 20 năm kể từ năm 1996, đến nay Samsung là nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài lớn nhất ở Việt Nam với tổng vốn đầu tư lên tới 14,8 tỷ USD, trong đó có hai dự án lớn nhất của Samsung Việt Nam là Khu tổ hợp Samsung Electronics Việt Nam (SEV) ở Bắc Ninh và Samsung Electronics Việt Nam ở Thái Nguyên (SEVT). Hai nhà máy này đều sản xuất và lắp ráp điện thoại di động, máy tính bảng và linh kiện điện thoại, chủ yếu cho xuất khẩu. Năm 2010, Samsung đã sản xuất 37,5 triệu điện thoại di động, năm 2015 sản lượng tăng lên gần 239 triệu cái, trong 5 năm vừa qua (2011-2015) sản lượng điện thoại đã tăng hơn 637%, bình quân mỗi năm tăng gần 127%¹⁴, gần như toàn bộ sản phẩm của hai nhà máy của Samsung đều được xuất khẩu. Sau gần 6 năm đi vào hoạt động, lũy kế kim ngạch xuất khẩu của SEV đạt tới hơn 100,5 tỷ USD, riêng năm 2015, đạt hơn 32,5 tỷ USD, chiếm gần 20% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tương đương 33,5% tổng kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI. Trong các lĩnh vực sản xuất dệt may, giày dép

là những ngành có kim ngạch xuất khẩu cao nhất, thì phần lớn kim ngạch xuất khẩu là của các doanh nghiệp FDI của Hàn Quốc, Đài Loan và một số nước khác. Các doanh nghiệp lớn trong ngành như Pouchen, Feng Tay, Tae Kwang Vina,.. chiếm hầu hết sản lượng giày dép xuất khẩu sang các thị trường lớn như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU. Sự mở rộng và phát triển của các tập đoàn quốc tế lớn trong một số lĩnh vực đã từng bước giúp Việt Nam trở thành trung tâm sản xuất và xuất khẩu nhiều sản phẩm công nghệ cao của khu vực và toàn cầu. Tuy nhiên, khi một số doanh nghiệp nước ngoài chiếm tỷ trọng lớn trong kim ngạch xuất nhập khẩu của một nền kinh tế sẽ có thể dẫn đến những rủi ro nếu doanh nghiệp đó rơi vào suy thoái, gặp khó khăn hay có một quyết định bất ngờ, hoặc thay đổi trong chiến lược kinh doanh toàn cầu của họ. Đây là vấn đề cần được quan tâm đúng mức trong quá trình phát triển của quốc gia. Do vậy, trong thời gian tới, bên cạnh việc tiếp tục tạo thuận lợi cho các doanh nghiệp phát triển và mở rộng kinh doanh, Việt Nam cần tập trung cải thiện môi trường kinh doanh, hoàn thiện thể chế, chính sách để thu hút các tập đoàn kinh tế lớn từ các nước phát triển đầu tư vào kinh doanh nhằm đa dạng hóa nhà đầu tư, giảm thiểu việc phụ thuộc quá mức vào một số ít doanh nghiệp nước ngoài, nhất là trong lĩnh vực xuất khẩu.

3.4. Tính ổn định, bền vững trong xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI chưa cao

Mặc dù xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam, tuy nhiên sau một thời gian tăng trưởng cao, tốc độ tăng trưởng đang có xu hướng giảm nhanh. Giai đoạn 2001-2015, tăng trưởng xuất khẩu bình

¹⁴ Tổng cục Thống kê, Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2011-2015, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2016.

quân của các doanh nghiệp FDI đạt 25,6%/năm, năm 2015 kim ngạch xuất khẩu cao gấp gần 30 lần năm 2001, từ 3,7 tỷ USD lên 110,6 tỷ USD. So sánh với tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong giai đoạn này, tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI cao gấp hơn 4 lần. Tuy nhiên, trong 4 năm trở lại đây, tốc độ tăng trưởng xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI đang có sự suy giảm liên tục với mức độ cao: từ mức tăng 41% năm 2010 xuống còn 11,7% năm 2015 (tương đương 40% mức tăng bình quân giai đoạn 2003-2011). Như vậy, xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI vẫn tăng lên về giá trị tuyệt đối, nhưng tốc độ tăng trưởng đang có xu hướng giảm nhanh.

Kết luận

Sau 30 năm mở cửa và hội nhập kinh tế

quốc tế, xuất khẩu của khu vực doanh nghiệp FDI đã trở thành động lực quan trọng thúc đẩy tăng trưởng và phát triển xuất khẩu nói riêng và nền kinh tế Việt Nam nói chung. Bên cạnh những kết quả đã đạt được, xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI cũng đang đặt ra nhiều thách thức đối với Việt Nam. Đó là xuất khẩu của Việt Nam đang có xu hướng phụ thuộc vào xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI, cũng như một số doanh nghiệp FDI, kim ngạch xuất khẩu hàng năm chiếm tỷ trọng lớn nhưng đóng góp cho sự phát triển kinh tế của Việt Nam còn hạn chế, tăng trưởng xuất khẩu có dấu hiệu chưa bền vững. Việc nhận diện những vấn đề trong hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI sẽ giúp Việt Nam có những chủ trương, chính sách phù hợp trong những năm sắp tới. □

Tài liệu tham khảo

1. Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI), *Báo cáo thường niên doanh nghiệp Việt Nam 2014*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông, 2015.
2. Thời báo Kinh tế Việt Nam, *Kinh tế 2015-2016 Việt Nam và thế giới*, Nhà xuất bản Hồng Đức, 2016.
3. Tổng cục Hải quan, *Niên giám thống kê hải quan về hàng hóa xuất nhập khẩu Việt nam (bản tóm tắt) 2014*, Nhà xuất bản Tài chính, 2014
4. Tổng cục Thống kê, *Động thái và thực trạng kinh tế - xã hội Việt Nam 5 năm 2011-2015*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2016.
5. Tổng cục Thống kê, *Hiệu quả của các doanh nghiệp trong nước giai đoạn 2005 - 2014*, Nhà xuất bản Thống kê, 2016.
6. Tổng cục Thống kê, *Hiệu quả của các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài giai đoạn 2005-2014*, Nhà xuất bản Thống kê, 2016.
7. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê 2014*, Nhà xuất bản Thống kê, Hà Nội, 2015
8. Sở Công thương tỉnh Bắc Ninh: <http://sct.bacninh.gov.vn/>
9. Sở Công thương tỉnh Thái Nguyên: <http://congthuongthainguyen.gov.vn/>
10. Tổng cục Hải quan, www.customs.gov.vn.